

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2022/HS-ST
Ngày: 21-01-2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI NGUYÊN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Duyên

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Sinh Tụ

2. Ông Trần Xuân Viện

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thùy Dương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Hương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm, thụ lý số 637/TLST-HS ngày 17 tháng 12 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 642/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Đàm Văn Ch, tên gọi khác: không có; Sinh năm 1999 tại Cao Bằng; Nơi đăng ký HKTT: Xóm PN, xã K, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Dân tộc: Tày; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông Đàm Văn H, sinh năm 1971 và con bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1982; Bị cáo con duy nhất trong gia đình; Chưa có vợ con;

Tiền án, tiền sự: không

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 05/10/2021 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh Thái Nguyên (có mặt tại phiên tòa).

Người bị hại: Chị Đỗ Thị V, sinh năm 1999 (xin xét xử vắng mặt)

HKTT: Xóm ĐK, xã MY, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1, Anh Đỗ Đức Th, sinh năm 1999 (có mặt)

HKTT: Xóm Ch xã K, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, phường TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên
2, Anh Trần Minh Q, sinh năm 2001 (có mặt)

HKTT: Xóm ĐH, xã PL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, phường TĐ, thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên

Người làm chứng:

1, Anh Tạ Văn D, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm ĐK, xã MY, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên

2, Anh Vũ Thành Ch, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ 6, phường TT, TP. TN, tỉnh Thái Nguyên

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đàm Văn Ch là đối tượng không có nơi ở ổn định, không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Ngày 30/9/2021 Ch đến ở nhờ phòng trọ của bạn tại khu vực tổ 09, phường Thịnh Đán, thành phố Thái Nguyên. Do không có tiền để sử dụng nên Ch nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của người khác. Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 04/10/2021, Ch một mình đi bộ lang thang đến khu vực nhà trọ của chị Nguyễn Thị Nh (sinh năm 1984) tại khu vực tổ 09, phường TĐ, thành phố TN thì quan sát thấy tại khu vực lối đi của dãy nhà trọ có 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng bạc, biển kiểm sát 20F1-14901 của chị Đỗ Thị V (sinh năm 1999; HKTT: Xóm ĐK, xã MY, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên) không khóa, Ch thấy không có ai trông coi quản lý tài sản nên nảy sinh ý định trộm cắp. Ch phát hiện thấy 01 chiếc kéo được đặt trên mặt bàn ở gần đó nên Ch đã lấy chiếc kéo để mở ổ khóa điện xe mô tô nhưng không được. Ch dắt chiếc xe mô tô của chị Vân ra khỏi khu nhà trọ rồi đi đến phòng trọ của anh Trần Minh Q (sinh năm 2001, HKTT: Xóm ĐH, xã PL, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên, là bạn của Ch) tại tổ 01, phường TĐ, thành phố TN, để tìm anh Q nhưng anh Q đi vắng nên Ch để xe mô tô tại đây và đi về ngủ. Đến khoảng 06 giờ 00 phút cùng ngày Ch nhắn tin cho anh Q thì được biết anh Q đã chuyển phòng trọ nên Ch quay lại vị trí để chiếc xe mô tô trên rồi dắt xe đến phòng trọ mới của anh Q tại tổ 01, phường TĐ, thành phố TN. Khi gặp anh Q, Ch nói với anh Q chiếc xe mô tô trên Ch mượn của anh họ của Ch tên H nhà ở ĐT, tỉnh Thái Nguyên nhưng đã làm mất chìa khóa nên nhờ anh Q đấu dây điện để mở khóa xe nhưng không được. Lúc này, anh Đỗ Đức Th (sinh năm 1999, HKTT: Xóm Ch, xã K, huyện ĐT, tỉnh Thái Nguyên) là bạn ở trọ cùng anh Q nói muốn mua lại chiếc xe mô tô này, Ch đồng ý bán xe cho anh Th với giá 7.000.000 đồng, anh Thắng nhờ anh Vũ Thành Ch nhà ở phường TT, thành phố TN chuyển vào tài khoản ngân hàng của Ch số tiền 7.200.000 đồng, trong đó 7.000.000 đồng là tiền mua xe, 200.000

đồng anh Thắng lấy để đi sửa xe. Sau đó anh Q đưa Ch đi rút tiền. Ch rút số tiền 5.700.000 đồng rồi đưa cho anh Q 700.000 đồng trong đó Ch cho anh Q 500.000 đồng, còn 200.000 đồng Ch nhờ anh Q trả lại cho anh Thắng rồi Ch đi đến khu công nghiệp Diêm Thụy, huyện PB chơi. Tại đây, Ch mua 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s với giá 1.500.000 đồng, 01 bộ quần áo giá 300.000 đồng và chi tiêu cá nhân. Tổng số tiền Ch đã tiêu xài hết 3.750.000 đồng, còn lại số tiền 2.750.000 đồng Ch mang theo người. Sau khi chị Đỗ Thị V phát hiện bị mất xe mô tô khoảng 09 giờ 15 phút ngày 04/10/2021 đã trình báo Công an phường TĐ, thành phố TN. Công an phường TĐ đã tiến hành rà soát địa bàn. Khi đến khu vực đường Q Trung gần cầu vượt Đán thuộc tổ 09, phường TĐ, thành phố TN thì phát hiện Đỗ Đức Th và Trần Minh Q đang dắt 01 (một) xe mô tô Honda Wave, màu trắng bạc, không có biển kiểm soát. Qua kiểm tra bên trong cốp xe có 01 BKS 20F1-149.01, Q và Thắng khai báo việc mua bán xe của Ch như đã nêu trên và đang dắt đi để sửa chữa ổ khóa đã bị hỏng.

Khoảng 17 giờ cùng ngày, Ch trở về phòng trọ tại tổ 09 phường TĐ, thành phố TN thì bị tổ công tác của Công an phường TĐ, thành phố TN phát hiện và đưa về trụ sở làm việc.

Tại Bản kết luận số 339 / HĐĐGTS ngày 26/10/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố Thái Nguyên kết luận: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng bạc, BKS : 20F1-149.01; Số khung : Y573886; Số máy: C12E - 3373992, đã qua sử dụng giá trị là 3.800.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, bị can Đàm Văn Ch đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị can phù hợp với biên bản sự việc, lời khai của bị hại, lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản xác định hiện trường, vật chứng thu giữ, kết luận giám định tài sản và các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án.

Vật chứng của vụ án gồm: 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s, dung lượng 16GB, màu hồng; số seri: FT7RKSW7GRXV; Số Imei 35325507877040, đã qua sử dụng và số tiền 3.250.000 đồng. Hiện đang được bảo quản tại kho vật chứng và tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự thành phố TN, tỉnh Thái Nguyên chờ xử lý.

Tại bản cáo trạng số 03/CT - VKSTPTN ngày 17/12/2021 Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên đã truy tố Đàm Văn Ch về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa Bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo với tội danh và điều luật đã viện dẫn là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Phản luận tội tại phiên tòa hôm nay, sau khi phân tích, đánh giá tính chất vụ án, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Đàm Văn Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Đàm Văn Ch mức án từ 9 tháng đến 12 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Áp dụng Điều 48 Bộ luật hình sự; Các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo phải trả cho anh Đỗ Đức Th 7.000.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Tạm giữ 01 (Một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s, dung lượng 16GB, màu hồng; số seri: FT7RKSXW7GRXV; Số Imei 35325507877040, đã qua sử dụng và số tiền 3.250.000 đồng để đảm bảo thi hành án cho bị cáo

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, buộc bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Trong phần tranh luận, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không tranh luận với luận tội của Viện kiểm sát. Lời nói sau cùng, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử cho bị cáo mức án thấp nhất để bị cáo sớm trở về gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên trong điều tra, truy tố:* Trong quá trình điều tra, truy tố Cơ quan điều tra Công an thành phố Thái Nguyên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định tại Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về sự vắng mặt của người bị hại: Tại phiên tòa chị Đỗ Thị V có đơn xin được xét xử vắng mặt. Xét thấy chị Vân đã có lời khai tại cơ quan điều tra, việc vắng mặt chị Vân không ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử.

[2]. *Về hành vi phạm tội của bị cáo:* Căn cứ lời khai của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị

hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, kết luận định giá, vật chứng thu giữ được và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận:

Khoảng 03 giờ 00 phút ngày 04/10/2021, lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản của chị Đỗ Thị V, Đàm Văn Ch đã thực hiện hành vi trộm cắp 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng bạc, biển kiểm sát 20F1-14901 của chị Đỗ Thị V trị giá 3.800.000 đồng, bán lấy tiền chi tiêu cá nhân.

Với hành vi nêu trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận bị cáo Đàm Văn Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên truy tố đối với bị cáo Đàm Văn Ch về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Điều 173. Tội trộm cắp tài sản

1. “Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

[3]. *Xét tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:* Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Nên cần phải xử lý nghiêm bằng pháp luật hình sự nhằm mục đích răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

[4] *Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, Hội đồng xét xử thấy:* Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự và không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, đủ nhận thức việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị cáo tuổi còn trẻ nhưng không chịu rèn luyện tu dưỡng bản thân mà vì mục đích tư lợi của bản thân bị cáo đã cố tình thực hiện hành vi phạm tội. Do đó, cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo, mới đảm bảo được tính nghiêm minh của pháp luật, đồng thời răn đe, giáo dục phòng ngừa chung. Mức án mà đại diện viện kiểm sát đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp.

[5] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt tù lẽ ra Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: quá trình điều tra chị Đỗ Thị V đã nhận lại tài sản là chiếc xe xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng bạc, biển kiểm sát 20F1-149.01, tại đơn xin xử vắng mặt chị Đỗ Thị V không yêu cầu bị cáo bồi thường trách nhiệm dân sự.

Sau khi trộm cắp được chiếc xe mô tô BKS 20F1-149.01, bị cáo Ch bán cho Đỗ Đức Th với giá 7.000.000 đồng, anh Thắng không biết chiếc xe này do bị cáo Ch trộm cắp mà có nên đã nhờ anh Chung chuyển khoản trả cho bị cáo. Tại phiên tòa anh Đỗ Đức Th yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 7.000.000 đồng, bị cáo nhất trí nên ghi nhận sự thỏa thuận của bị cáo và anh Đỗ Đức Th.

[7]. Vật chứng vụ án: chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu trắng bạc, biển kiểm sát 20F1-14901 quá trình điều tra xác định là của chị Đỗ Thị V, cơ quan điều tra đã trả lại cho chị Đỗ Thị V là đúng quy định. Số tiền 500.000 đồng thu giữ của Trần Minh Q và 2.750.000 đồng; 01 chiếc điện thoại nhãn hiệu Iphone 6s màu hồng thu giữ của bị cáo Đàm Văn Ch là tài sản do bị cáo bán chiếc xe mô tô trộm cắp được mà có nên cần tạm giữ để thi hành án cho bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt tù lẽ ra Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản gì, nên miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[9]. Trong vụ án anh Trần Minh Q là người giúp Ch mở khóa xe và được Ch cho 500.000 đồng; Anh Đỗ Đức Th là người mua chiếc xe BKS 20F1-149.01 của bị cáo Đàm Văn Ch nhưng anh Q và anh Thắng không biết đó là tài sản do bị cáo phạm tội mà có. Anh Q và anh Thắng có hỏi nguồn gốc chiếc xe bị cáo nói chiếc xe đó là của một người anh của Ch tên H ở DT nên cơ quan cảnh sát điều tra không có cơ sở xử lý đối với anh Q và anh Th.

[10] Bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm và có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Về căn cứ và áp dụng pháp luật: Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 47; Điều 48 của Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 106, Điều 136, Điều 329 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Các Điều 357, 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh và hình phạt:

2.1. Về tội danh: Tuyên bố Bị cáo Đàm Văn Ch phạm tội: “*Trộm cắp tài sản*”.

2.2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Đàm Văn Ch 12 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 05/10/2021.

Tiếp tục tạm giam bị cáo Đàm Văn Ch 45 (bốn mươi lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Đàm Văn Ch phải bồi thường cho anh Đỗ Đức Th số tiền 7.000.000đ (bảy triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người có quyền yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành nghĩa vụ thanh toán tiền, sẽ phải chịu lãi suất theo Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

4. Về vật chứng vụ án:

Tạm giữ để đảm thi hành án cho bị cáo:

- số tiền 3.250.000 đồng (Ba triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng) theo ủy nhiệm chi số 198 ngày 10/12/2021

- 01(một) điện thoại nhãn hiệu Iphonee 6s, dung lượng 16GB, màu hồng số seri F17RK5W7GRXV; số Imei 35325507877040, tình trạng đã qua sử dụng

Tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13 tháng 12 năm 2021 giữa Công an thành phố Thái Nguyên với Chi cục THADS thành phố Thái Nguyên.

5. Về án phí: Buộc bị cáo Đàm Văn Ch phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm; 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Trò hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh TN;

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Sở tư pháp tỉnh TN;
- Công an TP TN; Trại TG công an tỉnh TN ;
- Chi cục THADS TP Thái Nguyên;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án; Lưu VP.

Trần Thị Duyên

